

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+TD2+TTC1	7:25	20+0+0	0+0+0		18+2+0	0+0+0	chuyen 1 Td2-TTC1
2		PVD8+MRM	7:25	7+12	0+0		3+7	0+0	
3		MRM+BK9+RC4	9:25	11+7+0	0+0+0		6+0+3	0+0+0	
4		P8+P9+RP2	12:00	0+1+17	0+0+0		0+1+1	0+0+0	chuyen 2 p8-p9

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - TD2 - TTC1	CREW: KHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0323	

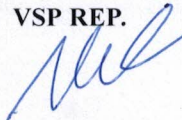
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PVD8	27-28	2	17	4	40	86	HALLIBUR	Vietnamese
2	BART JOHANNES KOK	PVD8	49-50	2	15			102	PVD DD	Netherlander
3	HOANG TRỌNG CHỨC	PVD8	51	1	8			75	PVD DD	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU CƯỜNG*	PVD8	34-35	2	15			76	PVDO	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD8	38	1	5			70	PVDO	Vietnamese
6	HỒ CAO THUẬN	PVD8	29	1	10			81	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BẠC	PVD8	44	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DAN	PVD8	46	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH HIẾU	PVD8						53	SCHLUMBE	Vietnamese
10	MEIER MICHAEL	PVD8	32-33	2	17			106	NHATHAU	Holland
11	LÊ HỒNG PHONG	PVD8	31	1	6			76	PVD DD	Vietnamese
12	TÀNG HOÀNG LONG	PVD8	36-37	2	10			75	PVD DD	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD8	52	1	8			69	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN THANH TRƯỜNG	PVD8	41	1	4			49	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU KHÔI*	PVD8	40	1	3			55	PSV	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN TRINH	PVD8	39	1	7			69	PVDO	Vietnamese
17	HỒ HOÀNG ANH	PVD8	45	1	9			67	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN THẠC NGHĨA	PVD8	42	1	5			66	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH NHAN	PVD8	43	1	4			61	PVDO	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHUNG	PVD8	30	1	6			69	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	20	1.435	24	162	4	40	18		
2	TD2	0	0	0	0	1	15	2	CHUYEN 01 PAX TU TD2 SANG TTC1	
3	TTC1	0	0	0	0	1	20	0		
TOTAL		20	1.435	24	162	6	75	20		
WEIGHT KG			1.435		162		75			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.



ĐINH THỊ HOA

CREW



ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - MRM	CREW: HUNG - N.CUONG - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0327	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN NHAT THONG	PVD8	98	1	9	4	52	61	PVDO	Vietnamese
2	NGUYEN ANH HUNG	PVD8	97	1	5			69	PVDO	Vietnamese
3	LUONG QUOC DUNG	PVD8	99	1	4			69	PVDO	Vietnamese
4	LE VAN THANH 1982	PVD8	96	1	4			75	PVDO	Vietnamese
5	PHAM QUANG VINH	PVD8	24.95	2	17			65	PVD LOGGI	Vietnamese
6	FREDINAND LIGADU	PVD8	400.677	2	19			85	PVD BAKEI	Malaysian
7	BUI TRONG TOAN	PVD8	70	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG MANH TUAN	PVD8	68-69	2	9			67	NHA THAU	Vietnamese
9	HO MINH TRINH	MRM	62	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
10	KIEU TUAN ANH	MRM	58-59	2	11			70	DVL	Vietnamese
11	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	92-93	2	18			112	AMHGP	Russian
12	DAULETIAROV MAKSIM	MRM	53-54	2	16			96	AMHGP	Russian
13	ZAPASNIK ILIA	MRM	51	1	12			112	AMHGP	Russian
14	BARANOVSKII ANDREI	MRM	52	1	12			60	AMHGP	Russian
15	DONG LY KINH	MRM	56-57	2	10			57	AMHGP	Vietnamese
16	LE HOAI THIEN	MRM	60	1	15			75	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN HUU VIET	MRM	61	1	14			62	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THU	MRM	55	1	15			65	DVL	Vietnamese
19	RAKHMATULIN NADIR	MRM	50	1	10			84	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	8	572	11	73	4	52	3		
2	MRM	11	863	15	144	0	0	7		
TOTAL		19	1.435	26	217	4	52	10		
WEIGHT KG			1.435		217		52			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:MRM - BK9 - RC4	CREW: XHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0324	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ROIK NIKOLAI	MRM	64	1	15			88	AMHGP	Russian
2	PETEL SERGEI	MRM	69	1	11			85	AMHGP	Russian
3	RAKHMANOV SERGEI	MRM	66-67	2	8			68	AMHGP	Russian
4	MOROZOV ILIA	MRM	70-71	2	16	1	9	109	AMHGP	Russian
5	OSIN DMITRII	MRM	20-22	3	15			85	AMHGP	Russian
6	NGO VĂN BĂNG	MRM	398-399,40	3	20			63	AMHGP	Vietnamese
7	LÊ CÔNG KHANH	MRM	63	1	13			65	HALLIBUR	Vietnamese
8	DMITRII KONDRATOV	MRM	68	1	8			117	HALLIBUR	Russian
9	VŨ VĂN NAM	MRM	35	1	14			73	DVL	Vietnamese
10	NHÂM ĐỨC TUÂN	MRM	99	1	15			70	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	43,200	2	15			71	DVL	Vietnamese
12	IAREMCHENKO TARAS	MRM	65	1	12			89	AMNGR	Russian
13	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK9	97-98	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN BA DIỆN	BK9	93-94	2	18			81	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN QUANG	BK9	91-92	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN CƯỜNG	BK9	01-02	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÌNH QUANG SƠN	BK9	95-96	2	17			56	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH CƯỜNG	BK9	03-04	2	14			76	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN THANH HÙNG	BK9	05-06	2	14	1	17	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	12	983	19	162	1	9	6		
2	BK9	7	471	14	115	1	17	0		
3	RC4	0	0	0	0	2	30	3		
TOTAL		19	1.454	33	277	4	56	9		
WEIGHT KG			1.454		277		56			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: P8 - P9 - RP2	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0325	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN NAM	P9	22	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VŨ THUẬT	RP2	94	1	10	2	35	63	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM QUANG TRƯỜNG	RP2	99	1	11			80	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	RP2	97	1	13			80	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN HIỆP	RP2	58-59	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN VUI	RP2	56-57	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ HỒNG THANH	RP2	95	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
8	TRỊNH HỮU CHUNG	RP2	70-71	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN TUẤN	RP2	96	1	17			83	XAYLAP	Vietnamese
10	LƯƠNG THẾ HIỀN	RP2	72	1	8			84	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KIM HƯƠNG	RP2	68-69	2	15			58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP2	60-61	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
13	LA VĂN ĐỨC	RP2	66-67	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC CHIN	RP2	73-74	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HUY CHUÔNG	RP2	62-63	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU MINH	RP2	798-799	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN DŨNG	RP2	800,87	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RP2	64-65	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	0	0	0	0	0	0	0+2	CHUYEN 2 PAX P8-P9	
2	P9	1	69	1	14	0	0	1		
3	RP2	17	1.207	28	272	2	35	1		
TOTAL		18	1.276	29	286	2	35	2		
WEIGHT KG			1.276		286		35			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG